UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 439/BC-SNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 29 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác tháng 5 và kế hoạch công tác tháng 6 năm 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi và khó khăn đan xen như: nguồn nước ngọt đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; sản lượng lúa, thuỷ sản khai thác và nuôi đạt khá, giá phân bón giảm, giá lúa, cua biển và cá tra giữ ở mức cao; tình hình thiệt hại trên tôm vẫn tiếp tục xảy ra nhưng giảm hơn so với tháng trước. Tuy nhiên, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của các loại vật nuôi và thủy sản; nguồn vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (xăng dầu, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thuốc BVTV…) ở mức cao làm tăng giá thành sản phẩm; giá tôm thương phẩm giảm mạnh; thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp duy trì được mức độ tăng trưởng, cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình UBND tỉnh 64 tờ trình xin phê duyệt công tác chuyên môn của ngành quản lý; Xây dựng và ban hành 05 Quyết định và 79 báo cáo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Hoàn chỉnh chuẩn bị trình Hội đồng nhân dân thông qua 02 Nghị quyết[(1)]; tiếp tục phối hợp thực hiện các bước xây dựng 01 Nghị quyết[(2)], sửa đổi, bổ sung 01 quyết định quy phạm pháp luật[(3)].

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 09 quyết định[(4)]; đang trình 02 Quyết định, 04 Kế hoạch[(5)].

[(1)] Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển ba Động và Nhà máy Điện gió Duyên Hải.

[(2)] Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình (Bố trí dân cư) tại tỉnh theo điểm d khoản 7 mục VI Điều 1, Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

[(3)] Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND.

[(4)] Số 530/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 cho Trung tâm Nước sạch và VSMT NT trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thuê 854,2 m^2 đất, tại xã Hòa Minh, huyện Châu Thành để tiếp tục sử dụng công trình Trạm cấp nước 02 xã Long Hòa - Hòa Minh; số 531/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 cho Trung tâm Nước sạch và VSMT NT trực thuộc Sở

Báo cáo Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 7- HĐND tỉnh khóa X; tổng hợp kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp báo cáo các mô hình sản xuất hiệu quả; trả lời kiến nghị của địa phương, Hội Nông dân về Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023 lĩnh vực Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật. Lập kế hoạch Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023; xây dựng Kế hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tác chiến phòng thủ của tỉnh; phối hợp trao đổi, thống thất số liệu ước tính 6 tháng đầu năm và tốc độ tăng trưởng của ngành; xây dựng dự thảo đề cương, nhiệm vụ và dự toán 07 đề án của ngành; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát tích hợp 4 phương án của ngành vào quy hoạch kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng trong tháng 17.260 ha, nâng tổng số được 115.276 ha, đạt 47,97% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 9.980 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo sạ 13.286 ha (vụ Hè Thu), thu hoạch 9.219 ha (vụ Đông Xuân). Lũy kế đến nay gieo sạ 84.806 ha, đạt 45,18% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 10.784 ha; thu hoạch 63.201 ha, chiếm 74,52% diện tích xuống giống, ước sản lượng 388.862 tấn, thấp hơn cùng kỳ 27.826 tấn, cụ thể:

Nông nghiệp và PTNT, thuê 296,8 m^2 đất, tại xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè; số 543/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh năm 2023; số 554/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; số 586/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 Ban hành Danh mục và phương thức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh; số 590/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 phê duyệt danh mục công trình duy tu, bảo dưỡng và khắc phục sạt lở công trình đê điều trên địa bàn tỉnh năm 2023; số 609/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 Thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn thanh tra của Ủy ban Châu Âu lần thứ 4; số 607/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 điều chỉnh nội dung tiêu chí trong Bộ tiêu chí ấp NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh; số 627/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 quyết định giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây
Dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh - Sóc Trăng; số 31/QĐ-BCĐ ngày 11/5/2023 Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng,bố trí tái định cư dự án Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thé đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1).

(5) 02 Quyết định quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ khác đối với các hộ nuôi tôm thâm canh mật độ cao, đơn giá cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình dự án trên đian bàn tỉnh; kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triên lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2023-2025; kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM năm 2023; kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông phục vụ xây dựng NTM năm 2023; phân cấp cho Sở Nông nghiệp phê duyệt, giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch khuyến nông năm 2023.

+ Vụ Mùa: Thu hoạch dứt điểm 1.142 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,36 tấn/ha). Sản lượng 5.048 tấn, thấp hơn cùng kỳ 158 tấn.

+ Vụ Đông Xuân: Thu hoạch dứt điểm 62.059 ha, năng suất trung bình 6,18 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,314 tấn/ha), sản lượng 383.814 tấn, đạt 120% kế hoạch, (thấp hơn so cùng kỳ 27.668 tấn).

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 13.286 ha, lũy kế đến nay xuống gống 21.605 ha, đạt 31,277% kế hoạch,(chậm hơn cùng kỳ 9.570 ha), hiện đang phát triển tốt.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.974 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 30.470 ha, đạt 57,94% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 805 ha, gồm: Màu lương thực 3.515 ha, màu thực phẩm 16.076 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 10.879 ha.

- Kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân, tập trung xuống giống vụ Hè Thu theo khung lịch thời vụ tại Thông báo số 161/TB-SNN-BVTV ngày 06/4/2023; xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa và hệ thống bẫy đèn thông minh; theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh trên cây ăn trái và hoa màu các loại. Tiếp tục kiểm tra, đánh giá, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; đã gởi 66 hồ sơ đề nghị cấp mới mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, tuy nhiên một số vùng trồng như dừa, lúa, rau màu... chưa được nước nhập khẩu yêu cầu có mã số vùng trồng nên chưa được cấp mã số; đến nay được Cục Bảo vệ thực vật duy trì 10 mã số (dưa hấu 4, chôm chôm 1, nhãn 2, xoài 1, thanh long 2), cấp mới 13 mã số (xoài 3, chuối 3, lúa hữu cơ 2, ớt 1, mít 2, thanh long 1, sầu riêng 1). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận cấp 13 mã số vùng trồng trong nước gồm; tổng kết công tác triển khai thực hiện bản tin thời tiết nông vụ vụ Đông Xuân 2022-2023; tổng hợp điều tra chi phí sản xuất và giá thành vụ Đông Xuân. Thẩm định, cấp mới và cấp lại 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lũy kế đến nay cấp mới và cấp lại 30 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (phân bón 13, thuốc BVTV 17).

b) Chăn nuôi, thú y

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 157,2 ngàn con, LMLM 22,39 ngàn con bò, Viêm da nổi cục 1,89 ngàn con, Dại chó 3,67 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 67,96 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 242 ngàn liều. Nâng đến nay đã tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm 709,26 ngàn con (tăng 202 ngàn con so cùng kỳ), LMLM 76,13 ngàn con bò (tăng 40 ngàn con so cùng kỳ), Viêm da nổi cục 3,47 ngàn con (tăng 1,57 ngàn con so cùng kỳ), Dại chó 17,13 ngàn liều (tăng 8,7 ngàn liều so cùng kỳ), các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 223,56 ngàn con (tăng 9,8 ngàn liều so cùng kỳ) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 1,17 triệu con (tăng 402 ngàn liều so cùng kỳ); Dịch tả heo Châu Phi (tiêm phòng có giám sát 212 con).

Bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Từ đầu năm 2023 đến nay, bệnh DTHCP đã xảy ra tại 08 ấp, 07 xã, 05 huyện, thị xã (thị xã Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú, Cầu Kè và Châu Thành). Trong đó, số heo nghi, mắc bệnh 200 con trên tổng đàn 311 con của 09 hộ; chết 47 con; thực hiện tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 292 con, trọng lượng heo tiêu hủy 12.207 kg.

Dại chó: Từ đầu năm 2023 đến nay, bệnh Dại chó xảy ra 03 trường hợp tại 03 ấp, 03 xã, phường của 03 huyện, thành phố (huyện Duyên Hải, Càng Long và thành phố Trà Vinh), thực hiện tiêu hủy chó bị bệnh, nghi bệnh, chết 21 con. Đơn vị chuyên môn đã phối hợp với địa phương xử lý theo quy định.

Kiểm dịch 7.157 con heo; 2.861 con bò, 152,8 ngàn con gia cầm; 65,81 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 147,6 triệu con (5,5 triệu con tôm sú và 143 triệu con tôm thẻ giống). Nâng đến nay kiểm dịch 61.541 con heo (giảm 30.152 con so cùng kỳ); 10.403 con bò (tăng 3.215 con so cùng kỳ), 790,3 ngàn con gia cầm (tăng 120 ngàn con so cùng kỳ); 212,4 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 628,1 triệu con (37 triệu con tôm sú và 591,1 triệu con tôm thẻ giống).

Thực hiện hoàn tất "Tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 1 năm 2023 và tiêu độc khử trùng phòng, chống bệnh DTHCP được 261.963 lượt hộ, 27 chợ, diện tích 13.881.151 m^2, 8.201 lít hóa chất

c) Lâm nghiệp

Tổ chức 63 lượt tuần tra bảo vệ rừng; cấp 13 bảng kê xuất bán động vật hoang dã (61 cá thể Cầy vòi hương, 9 cá thể Nhím) và triển khai vệ sinh phòng cháy được 180,34 ha. Nâng đến nay tổ chức 340 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm (01 vụ phá rừng trái pháp luật thiệt hại 126 m^2 rừng sản xuất, chủng loại Đước tại Nhà Mát xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải tỉnh Trà Vinh); cấp 03 mã số (cho 01 hộ nuôi 14 cá thể Cầy vòi hương và 01 cơ sở nuôi 30 cá thể Nhím) và 35 bảng kê xuất bán động vật hoang dã và đã triển khai vệ sinh phòng cháy, chữa cháy rừng được 355,45 ha (đạt 100% kế hoạch). Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình vệ sinh phòng cháy rừng Phi lao mùa khô năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường khảo sát, đo đạc đất rừng xã Long Hòa huyện Châu Thành và xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang hoàn tất hồ sơ trình giao đất giao rừng của 02 xã trên.

d) Thủy sản:

Thu hoạch 26.744 tấn (sản lượng nuôi 21.671 tấn, sản lượng khai thác 5.073 tấn). Nâng tổng số đến nay thu hoạch 75.533 tấn (sản lượng nuôi 54.949 tấn, sản lượng khai thác 20.584 tấn), đạt 30,89% kế hoạch, tăng 1.601 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 921 triệu con tôm và cá giống các loại, diện tích 5.803 ha, thu hoạch 21.671 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 4,2 tỷ con tôm và cá giống các loại, diện tích 37.323 ha, thu hoạch 54.949 tấn, đạt 30,49% kế hoạch (tôm sú 4.250 tấn, tôm thẻ chân trắng 21.150 tấn, cua 1.695 tấn, cá lóc 18.820 tấn, cá các loại 9.034 tấn), tăng 901,5 tấn so cùng kỳ, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 127,9 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.189 ha; 800 triệu con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 183 triệu con, diện tích 85,3 ha), diện tích 817 ha; cua biển 17,3 triệu con giống, diện tích 2.533 ha. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày và đêm chênh lệch lớn tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 14 triệu con tôm sú, diện tích 114,6 ha và 74,55 triệu con tôm thẻ, diện tích 128,5 ha. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 847,8 triệu con tôm sú giống, diện tích 16.124 ha; 3,21 tỷ con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 1,19 tỷ con, diện tích 599,9 ha), diện tích 3.848 ha; cua biển 106,6 triệu con giống, diện tích 15.960 ha. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày và đêm chênh lệch lớn tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 48,6 triệu con tôm sú (chiếm 5,7% lượng con giống thả nuôi), diện tích 316,8 ha; 263,2 triệu con tôm thẻ (chiếm 8% lượng con giống thả nuôi), diện tích 388,6 ha tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 55 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 15,88 triệu con cá giống các loại với diện tích 261 ha. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 76,48 triệu con cá giống các loại với diện tích 1.237 ha.

* Đăng ký nuôi các đối tượng chủ lực (tôm): 20 hộ nuôi (diện tích 30,29 ha; 26 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi. Từ năm 2021 đến nay, có 112 hộ (55,475 ha; 174 ao) nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng đăng ký nuôi và đã được cấp giấy xác nhận (Cầu Ngang: 75 hộ, 16,37 ha, 99 ao; Duyên Hải: 34 hộ, 37,6 ha, 61 ao; Thị xã Duyên Hải: 02 hộ, 1,22 ha, 08 ao; Châu Thành: 01 hộ, 0,31 ha, 06 ao).

- Khai thác: Toàn tỉnh có 911 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 150.939 CV, tăng 481 CV *(264 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên)*; sản lượng khai thác 5.073 tấn (545 tấn tôm); trong đó, khai thác nội đồng 949 tấn (53 tấn tôm), khai thác hải sản 4.124 tấn (492 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay sản lượng khai thác thác hải sản 20.584 tấn (1.960 tấn tôm), đạt 31,99% kế hoạch, tăng 699 tấn so cùng kỳ; trong đó, khai thác nội đồng 2.770 tấn (155 tấn tôm), khai thác hải sản 17.814 tấn (1.805 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long thu mua 173 tấn tôm (0,7 tấn tôm sú, 172,3 tấn tôm thẻ), chế biến 289 tấn, tiêu thụ 322 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,45 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 1.009 tấn tôm (26,7 tấn tôm sú, 979 tấn tôm thẻ), chế biến 1.915 tấn, tiêu thụ 985 tấn, kim ngạch xuất khẩu 11,78 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Hiện nay, toàn tỉnh có 218.997 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm 95,46% số hộ phát động; 632 ấp đạt chuẩn ấp văn hoá, ấp nông thôn mới, chiếm 98,6%, (trong đó, có 53 ấp nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 8,39%).

- Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí:

+ Toàn tỉnh có 06/9 đơn vị cấp huyện *(huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh)* được Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng

NTM. Hội đồng thẩm định trung ương đã tổ chức họp bỏ phiếu, xét, công nhận huyện Cầu Ngang và Duyên Hải đạt chuẩn NTM năm 2022, đến nay UBND tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ gửi về Trung ương chờ công nhận.

+ *Xã nông thôn mới:* Tính đến nay, toàn tỉnh có 85/85 xã đạt 19/19 tiêu chí. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 đang rà soát và nâng chất theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 – 2025.

+ *Xã nông thôn mới nâng cao*: Tính đến nay, toàn tỉnh có 29 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Ngày 09/5/2023, Hội đồng thẩm định xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu tổ chức thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận 9 xã gồm xã Hòa Minh, Hưng Mỹ, Lương Hòa A, Châu Điền, Hòa Tân, Phương Thạnh, Trường Long Hòa, Long Hữu, Mỹ Cẩm đạt chuẩn xã NTM nâng cao, kết quả 100% đồng ý.

+ *Xã nông thôn mới kiểu mẫu:* Ngày 09/5/2023, Hội đồng thẩm định xét công nhân xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu tổ chức thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận 03 xã Long Đức, An Trường và An Phú Tân đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu, kết quả 100% đồng ý.

Lĩnh vực ngành nghề nông thôn: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025: Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Càng Long khảo sát địa bàn triển khai thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tại Đức Mỹ và Tân Bình. Nguồn vốn giao bổ sung năm 2023.

Chương trình OCOP:

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương phê duyệt Đề cương dự án thí điểm Mô hình xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP Mật Hoa dừa tại xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Liên kết tiêu thụ sản phẩm OCOP năm 2023; chuẩn bị tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình OCOP tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019 – 2022.

Kinh tế hợp tác: Trong tháng, có 01 HTX được thành lập (HTX NN An Phú Tân, ấp An Trại, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè); đồng thời có 02 HTX giải thể (HTX NN Tập Sơn, HTX NN Phú Nông, huyện Trà Cú). Nâng đến nay, trên địa bàn tỉnh có 126 HTX nông nghiệp đang hoạt động (18 HTX nuôi trồng thủy sản, 05 HTX chăn nuôi, 06 HTX cây ăn trái, 03 HTX hoa kiểng, 63 HTX lúa gạo - DVNN, 06 HTX rau màu – củ quả, 01 HTX mía và 24 HTX tổng hợp) và 01 liên hiệp HTX đang hoạt động. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.596 THT nông nghiệp với 29.727 tổ viên (bình quân có khoảng 18,6 thành viên/tổ); Đến nay, có 02 HTX đăng ký tham gia dự án liên kết (HTX quýt đường Thuận Phú, HTX nông nghiệp Châu Hưng).

Bố trí dân cư: Lập thủ tục, hồ sơ triển khai dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án di dân sạt lở cấp bách khu vực Cồn Nhàn xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung mục 2 phụ lục "danh mục mô hình, điểm du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025" kèm theo Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới năm 2023 theo ý kiến góp ý của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Tham mưu trình Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trong tháng lắp đặt đồng hồ nước cho 839 hộ. Nâng đến nay đã cung cấp cho 171.636 hộ sử dụng nước máy. Trong tháng hoàn thành 05 hồ sơ thuê đất và đã có quyết định cho thuê đất, lũy kế đến nay có Quyết định cho thuê đất 49 trạm cấp nước và 01 nhà kho, các trạm còn lại đang làm hồ sơ; Thực hiện bảo trì 02 trạm cấp nước Trường Thọ và Thị trấn Long Thành. Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, đang thực hiện các thủ tục để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; Dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: Đã gửi hồ sơ thiết kế đến nhà tài trợ, khi nhà tài trợ thống nhất ý kiến sẽ trình Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế.

3. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Ước giải ngân đến 15/5/2023 là 49,45 tỷ đồng, đạt 23,53% kế hoạch vốn 2023.

b) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng: Tổ chức thực hiện nạo vét 133 công trình, chiều dài 93.451 m, khối lượng 246.068 m^3 và vớt lục bình được 37.052 m^2. Nâng đến nay có 09 huyện, thị xã, thành phố thực hiện nạo vét 340 công trình (đạt 87,6% KH) (chậm hơn cùng kỳ 4,2%), chiều dài 242.948 m, khối lượng 666.196 m^3 và vớt lục bình được 72.875 m^2.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra chặt chẽ các tuyến đê, kè và các khu vực bị sạt lở để có biện pháp xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành cống tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất lúa vụ Hè Thu.

Các công trình đê, kè do ngành quản lý đang thực hiện theo kế hoạch đề ra[(6)].

[(6)] Tuyến đê Nguyễn Văn Pho - Tổng Long: Công ty Điện lực tỉnh Trà Vinh đã di dời 20/20 trụ điện ra ngoài hành lang bảo vệ đê điều; Tuyến đê Hải Thành Hòa thuộc xã Đông Hải, huyện Duyên Hải: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đã thi công lắp đặt tuyến ống cấp nước dọc theo đê đã đào rãnh với chiều dài L = 1.186m (phía biển); Công trình khẩn cấp khắc phục sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Bàn giao mặt bằng thi công xây dựng công trình; Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp

Kiểm tra đê điều: Tổ chức được 18 đợt kiểm tra, với 58 lượt cán bộ tham gia, qua kết quả kiểm tra phát hiện 05 trường hợp vi phạm đến hành lang bảo vệ đê điều[7] các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, chuồng bò, Hạt Quản lý Đê điều kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản xử lý theo quy định.

Xây dựng 02 Kế hoạch: Tổ chức hội nghị trực tuyến về công tác Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2023; Triển khai các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai (15-22/5) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

* **Tình hình thiệt hại do mưa lớn**: Ngày 17/5/2023 đã làm tốc mái 3 nhà và 1 chuồng bò tại xã Phú Cần huyện Tiểu Cần ước thiệt hại 18 triệu đồng địa phương đã vận động hỗ trợ người dân khắc phục và ngày 26/5/2023 mưa làm sập hoàn toàn 2 căn nhà tại xã Ngũ Lạc và Đôn Châu huyện Duyên Hải, địa phương đã hỗ trợ khắc phục.

Trong tháng các đơn vị đăng nộp Quỹ PCTT thêm 147 triệu đồng, nâng tổng số đến nay là 1.261 triệu đồng.

4. Kết qủa thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 07 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 09 cơ sở (02 cơ sở loại A và 07 cơ sở loại B); cấp 03 giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP; thực hiện lấy 101 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; Tổ chức 9 lớp tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm (ATTP) cho 387 cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản. Nâng đến nay đã hướng dẫn, tiếp nhận 17 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 69 cơ sở (21 cơ sở loại A, 45 cơ sở loại B, 02 cơ sở đang sửa chữa và 01 cơ sở xin tạm ngưng hoạt động); cấp 28 Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (11 cấp mới, 17 cấp lại) và cấp 18 giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể 02 mảnh vỏ; thực hiện lấy 233 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 27 lớp tập huấn, tuyên truyền, có 957 người tham dự.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.622 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.037 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 105,39 triệu đồng. Nâng đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng

---

Thạnh, thị xã Duyên Hải bị sụp lún 16 vị trí với diện tích 412,6 m^2, đã báo cáo đề xuất duy tu, sửa chữa năm 2023, hiện tại chưa xử lý, khắc phục; Vị trí Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải rọ đá khóa đầu kè hướng Vàm Láng nước bị bong tróc rọ đá và sụp dài 12m, sâu 0,5m (tiếp giáp đoạn kè đang thi công mới 1.600m), đơn vị thi công khắc phục tạm bằng các cấu kiện và đấu nối hoàn chỉnh với kè mới khi nâng mái kè lên +3.0. Tiến độ đạt khoảng 30%

[7] Tuyến đê Hải Thành Hòa (02); Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (03). Kết quả xử lý Hạt Quản lý Đê điều kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản xử lý theo quy định. Lũy kế từ đầu năm đến nay có 20 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều, trong đó: Tuyến đê Mỹ Long (01 trường hợp); Tuyến đê Hồ Tàu - Ông Năm (02 trường hợp); Tuyến đê Hồ Tàu - Đông Hải (03 trường hợp); Tuyến đê Giồng Bàng (01 trường hợp); Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (11 trường hợp)

5.520 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.577 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 504,7 triệu đồng; xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác 69 giấy (1.592 tấn). Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 240 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, đạt 100% số tàu khai thác xa bờ.

Thanh tra, kiểm tra 15 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 11 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 09 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và 53 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và kiểm soát lâm sản, 108 phương tiện tàu cá; thu 32 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 32 trường hợp theo qui định. Đến nay thanh tra, kiểm tra 19 hộ giết mổ gia súc (heo), 63 quầy mua bán thịt heo; 06 lượt cơ sở giết mổ gia súc tập trung; 56 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 43 cơ sở kinh doanh phân bón; 11 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 38 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 01 công ty kinh doanh thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường; 42 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và 296 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và kiểm soát lâm sản, 324 phương tiện tàu cá; thu 161 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 35 trường hợp theo qui định

b) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản cho 112 nông dân thị xã Duyên Hải dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức 14 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho 396 nông dân huyện Trà Cú, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải; Tiếp tục phối hợp với địa phương thực hiện theo dõi các 05 mô hình trình diễn thuộc mô hình thực nghiệm giống cây, con mới; 01 mô hình thuộc dự án Spir; Dự án "Xây dựng phát triển mô hình nuôi tôm sú – lúa gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm" giai đoạn 2023: Đang điều chỉnh thuyết minh, dự toán chi tiết theo ý kiến góp ý Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Hoàn chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

Công tác giống:

+ Giống cây trồng: vụ Đông Xuân thu hoạch dứt điểm 7,3 ha lúa giống đạt 32,4 tấn lúa giống (năng suất 4,43 tấn/ha); sản xuất giống lúa OM 18 vụ Hè Thu năm 2023 là 04 ha (lúa 25 ngày tuổi); cung ứng 200 cây giống. Nâng đến nay cung ứng 800 cây giống chăm sóc cam sành gốc ghép vô bầu, cây cam sành không hạt S_1, cây S_0 quýt đường được trồng trong nhà lưới cây phát triển tốt; ươm 2.500 trái dừa giống, chiết 2.510 nhánh chanh; cung ứng 700 kg bưởi thương phẩm, 3.256 trái dừa và 800 cây điệp (cây công trình).

+ Giống thủy sản: Xuất bán 2,41 ngàn con giống tôm càng xanh toàn đực; thu hoạch 9,2 tấn tôm thẻ, hiện đã thả 900 ngàn con giống tôm thẻ chân trắng và ương 03 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 6

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây lúa: Kết hợp địa phương hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, chuẩn bị đất xuống giống dứt điểm vụ lúa Hè Thu theo khung lịch thời vụ tại Thông báo số 161/TB-SNN-BVTV ngày 06/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh đến giai đoạn an toàn, tuyệt đối không để xảy ra thiệt hại đầu vụ (do ngộ độc phèn và ngộ độc hữu cơ). Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh, kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị, nhất là tình hình rầy nâu, bệnh đạo ôn không để ảnh hưởng đến năng suất lúa. Kết hợp luân canh, xen canh giữa lúa với các cây trồng khác và thủy sản, chăn nuôi thủy cầm đề tăng thu nhập cho người nông dân và cải thiện hệ thống canh tác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Mở rộng diện tích trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng, tập trung mạnh việc đưa cây màu luân canh trên đất trồng lúa; đẩy mạnh phát triển các loại màu chủ lực thành các vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình sản xuất tốt, hữu cơ, sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ và gắn với các doanh nghiệp thu mua sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản.

2. Chăn nuôi và thú y

Tập trung tuyên truyền, vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi và thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định để bảo hộ cho đàn vật nuôi đặc biệt là trong thời điểm giao mùa; thực hiện kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh tái đàn heo. Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống; phát triển chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc thú y, kịp thời ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh và các chất tăng trọng trong chăn nuôi

3. Thủy sản

Tuyên truyền kết hợp với tư vấn kỹ thuật giúp hộ nuôi thả nuôi thủy sản theo lịch mùa vụ; Khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh; tăng cường cán bộ chuyên môn trực tiếp theo dõi địa bàn để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi thủy sản ở các vùng trọng điểm. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh để nông dân quản lý ao

nuôi. Tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản, nhất là quy định về việc lắp đặt và duy trì tín hiệu vệ tinh thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá. Khuyến khích phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền biển đảo, giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản. Tuyên truyền vận động các chủ tàu cá tuân thủ Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thủy sản theo đúng quy định

4. Lâm nghiệp

Triển khai Kế hoạch trồng, chăm sóc rừng và kế hoạch giao khoán bảo vệ rừng năm 2023; tiếp chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023 và giai đoạn 2023 – 2025; Tiếp tục đôn đốc thực hiện Kế hoạch 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 về trồng rừng, trồng cây xanh phân tán trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện Chỉ thị số 4/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan cho các tổ chức, cá nhân nhận khoán, cộng đồng dân cư sống gần rừng nâng cao ý thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của rừng; phân công cán bộ trực và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện chữa cháy, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng đảm bảo không để xảy ra cháy rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

5. Phát triển nông thôn

- Xây dựng kế hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2023; chuẩn bị tiếp Tổ công tác Đoàn giám sát Quốc hội; Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022.

Triển khai 04 lớp tập huấn thành lập mới THT trên địa bàn huyện Cầu Kè và Càng Long và 20 lớp tập huấn củng cố HTX nhằm làm điểm hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025; hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết "ban hành Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh" trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại kỳ họp giữa kỳ năm 2023; Xây dựng Kế hoạch Giám sát, đánh giá tiểu dự án 1, dự án 3 thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 năm 2023; Lấy ý kiến và triển khai thực hiện phương án thu hồi và tái đầu tư Dự án HTPTSX và đa dạng hóa sinh kế tại các xã ngoài CT 30a và CT 135 trên địa bàn xã Huyền Hội, huyện Càng Long.

Tiếp nhận OCOP sản phẩm OCOP do cấp huyện gửi đến; tham mưu tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 (đợt 1); Phối hợp với UBND huyện Tiểu Cần về các bước lập và triển khai thực hiện **Dự án chuỗi giá trị tại chủ thể Mật Hoa dừa**; Nghị quyết 03 về vốn hỗ trợ chính sách OCOP năm 2023; Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh năm 2023.

6. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, đê kè phục vụ sản xuất, dân sinh thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2023 và vốn kết dư năm 2022 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm công ích thủy lợi năm 2023.

Tiếp tục triển khai các giải pháp ứng phó với nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 397/CĐ-TTg ngày 13/5/2023 trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đôn đốc các địa phương khẩn trương triển khai thi công và hoàn thành công tác thuỷ lợi nội đồng; trục vớt lục bình để khơi thông dòng chảy; Triển khai thực hiện các công trình duy tu, bão dưỡng đê điều; Cập nhật dữ liệu, báo cáo tình hình diễn biến thời tiết và thiên tai trên địa bàn tỉnh, đề xuất tham mưu xử lý kịp thời khi có tình huống xảy ra.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác tháng 5, 5 tháng đầu năm và kế hoạch công tác tháng 6 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:
- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX,TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TRÀ VINH

Trần Văn Dũng

BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 5, 5 THÁNG NĂM 2023
(Ước tính đến ngày 15/5/2023)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Ước TH 5 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	**TRỒNG TRỌT**							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	**Ha**	**125.256**	**240.285**	**17.260**	**115.276**	**92,03**	**47,97**
	Tổng sản lượng	**tấn**	**917.153**	**2.464.302**	**270.840**	**943.533**	**102,88**	**38,29**
	Cây lương thực có hạt	**Ha**	**97.900**	**191.400**	**13.435**	**87.168**	**89,04**	**45,54**
1.	**Cây lúa**	**Ha**	**95.590**	**187.700**	**13.286**	**84.806**	**88,72**	**45,18**
	Sản lượng	**tấn**	**416.688**	**1.065.150**	**57.621**	**388.862**	**93,32**	**36,51**
b	**Vụ mùa**							
	- Diện tích xuống giống	ha	1.090			1.142	104,79	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090			1.142	104,79	
	- Năng suất	Tạ/ha	47,78			44,21	92,53	
	- Sản lượng	tấn	5.206			5.048	96,97	
c	**Đông Xuân**							
	- Diện tích xuống giống	ha	63.326	51.700		62.059	98,00	120,04
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.311	51.700	9.219	62.059	98,02	120,04
	- Năng suất	Tạ/ha	64,99	67,00	62,50	61,85	95,16	92,31
	- Sản lượng	tấn	411.482	346.390	57.621	383.814	93,28	110,80
d	**Hè Thu**							
	- Diện tích	ha	31.175	68.000	13.286	21.605		31,77
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50				
	- Sản lượng	tấn		357.000				
e	**Thu Đông**							
	- Diện tích	ha		68.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		53,20				
	- Sản lượng	tấn		361.760				
2.	**Cây màu**							
	Diện tích gieo trồng	Ha	**29.666**	**52.585**	**3.974**	**30.470,4**	**102,71**	**57,94**
	Diện tích thu hoạch	Ha	**19.662**	**52.585**	**6.368**	**20.758**	**105,57**	**39,48**
	Sản lượng thu hoạch	tấn	**500.466**	**1.399.152**	**213.219**	**554.671**	**110,83**	**39,64**
a	**Màu lương thực**	Ha	**3.472**	**5.970**	**272**	**3.515,3**	**101,24**	**58,88**
	Cây bắp							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.309,5	3.700	148,90	2.362,4	102,29	63,85
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.432,00	3.700	364,86	1.468,3	102,54	39,68
	+ Năng suất	Tạ/ha	55,80	55,50	55,86	59,10	105,91	106,49
	+ Sản lượng	Tấn	7.991	20.535	2.038	8.678	108,60	42,26
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	684,70	1.300	67,00	720,00	105,16	55,38
	+ Diện tích thu hoạch	"	321,47	1.300	161,06	382,67	119,04	29,44
	+ Năng suất	Tạ/ha	180,43	168,90	184,10	179,76	99,63	106,43
	+ Sản lượng	Tấn	5.800	21.957	2.965	6.879	118,60	31,33
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	295,60	570	33,90	261,60	88,50	45,89
	+ Diện tích thu hoạch	"	89,76	570	44,81	91,52	101,96	16,06
	+ Năng suất	Tạ/ha	157,1	192,11	162,10	161,2	102,61	83,91
	+ Sản lượng	Tấn	1.410	10.950	726	1.475	104,62	13,47
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	182,50	400	21,70	171,30	93,86	42,83
	+ Diện tích thu hoạch	"	98,43	400	32,87	95,27	96,79	23,82

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TRÀ VINH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Ước TH 5 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	157,40	174,38	158,20	157,90	100,32	90,55
	+ Sản lượng	Tấn	1.549,29	6.975	520	1.504	97,10	21,57
b	**Cây thực phẩm**	Ha	**15.777**	**32.575**	**2.578**	**16.076**	**101,89**	**49,35**
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	15.456,28	32.100	2.532,7	15.748,60	101,89	49,06
	+ Diện tích thu hoạch	"	11.365,4	32.100	1.947,44	11.824,4	104,04	36,84
	+ Năng suất	Tạ/ha	227,40	226,10	227,6	231,70	101,89	102,48
	+ Sản lượng	Tấn	258.450	725.781	44.324	273.972	106,01	37,75
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	321,00	475	44,85	327,57	102,05	68,96
	+ Diện tích thu hoạch	"	108,46	475	82,89	116,37	107,29	24,50
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,40	21,05	18,77	18,87	108,47	89,65
	+ Sản lượng	Tấn	188,72	1.000	155,58	219,64	116,38	21,96
c	**Cây công nghiệp hàng năm**		**10.416**	**14.040**	**1.125**	**10.879**	**104,44**	**77,49**
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.629,70	4.420	201,5	3.632,00	100,06	82,17
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.456,6	4.420	1.277,23	2.449,9	99,73	55,43
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,90	52,40	54,13	54,12	100,41	103,28
	+ Sản lượng	Tấn	13.241	23.161	6.914	13.259	100,13	57,25
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.081,90	1.300	257,8	1.189,10	109,91	91,47
	+ Diện tích thu hoạch	"	487,5	1.300	291,5	497,5	102,07	38,27
	+ Năng suất	Tạ/ha	957,10	978,20	962,40	963,30	100,65	98,48
	+ Sản lượng	Tấn	46.654	127.166	28.057	47.927	102,73	37,69
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.457,60	2.570	204	1.431,50	98,21	55,70
	+ Diện tích thu hoạch	"	981,0	2.570	294,4	978,6	99,75	38,08
	+ Năng suất	Tạ/ha	113,7	118,20	114,30	116,8	102,73	98,82
	+ Sản lượng	Tấn	11.154	30.377	3.365	11.430	102,47	37,63
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	4.246,82	5.750	462,3	4.626,30	108,94	80,46
	+ Diện tích thu hoạch	ha	2.321,5	5.750	1.871,2	2.853,5	122,92	49,63
	+ Sản lượng	Tấn	154.028	431.250	124.155	189.328	122,92	43,90
B	**LÂM NGHIỆP**							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		50				
	- Chăm sóc rừng	Ha		116				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		3.490				
C	**THỦY SẢN**							
1.	**Tổng diện tích nuôi**	Ha	**37.342**	**52.100**	**5.803**	**37.323**	**99,95**	**71,64**
1.1	**Nuôi nước ngọt**	"	**1.292**	**3.500**	**251**	**1.225**	**94,76**	**34,99**
	- Diện tích nuôi cá	"	537	2.000	37	320	59,58	15,99
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	12	50	1	10,11	87,46	20,22
	+ Cá lóc	"	142	480	20	94,6	66,68	19,71
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	756	1.500	214	905	119,74	60,33
	Trong đó: tôm càng xanh	"	756	1.500	214	905	119,74	60,33
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	**Nuôi nước mặn, lợ**	Ha	**36.049**	**48.600**	**5.552**	**36.098**	**100,14**	**74,28**
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ …							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	35.929	47.800	5.552	35.946	100,05	75,20
	Trong đó: + Tôm sú	"	15.627	19.500	2.202	16.137	103,26	82,75

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 5	Ước TH 5 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.049	8.300	817	3.849	76,22	46,37
	+ Cua biển	"	15.253	20.000	2.533	15.961	104,64	79,80
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	120	800	-	152		19,00
2	**Tổng sản lượng thủy sản**	Tấn	**73.932**	**244.550**	**26.744**	**75.533**	**102,17**	**30,89**
2.1	**Tổng sản lượng nuôi**	Tấn	**54.047,5**	**180.200**	**21.671**	**54.949**	**101,67**	**30,49**
2.1.1	**Nuôi nước ngọt**	Tấn	**25.303**	**82.200**	**10.482**	**25.822**	**102,05**	**31,41**
	- Sản lượng cá	"	24.713	80.000	10.272	25.107	101,59	31,38
	Trong đó: + Cá tra	"	4.111	7.000	1.469	2.590	63,00	37,00
	+ Cá lóc		17.555	55.500	8.120	18.820	107,21	33,91
	- Sản lượng giáp xác	"	590	2.200	210	715	121,21	32,50
	Trong đó: tôm càng xanh	"	590	2.200	210	715	121,21	32,50
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	**Nuôi nước mặn, lợ**	Tấn	**28.745**	**98.000**	**11.189**	**29.127**	**101,33**	**29,72**
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song …	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	27.530	95.000	10.250	27.095	98,42	28,52
	Trong đó: + Tôm sú	"	4.015	13.300	1.165	4.250	105,85	31,95
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	21.565	75.500	8.005	21.150	98,08	28,01
	+ Nuôi cua biển	"	1.950	6.200	1.080	1.695	86,92	27,34
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	1.215	3.000	938	2.032	167,26	67,74
2.2	**Tổng sản lượng khai thác**	Tấn	**19.885**	**64.350**	**5.073**	**20.584**	**103,52**	**31,99**
2.2.1	**Khai thác biển**	Tấn	**17.013**	**57.500**	**4.124**	**17.814**	**104,71**	**30,98**
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	10.073	29.500	2.044	10.455	**103,79**	35,44
	Trong đó: - Loài ….	"						
	- …	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.715	5.500	492	1.805	105,25	32,82
	Trong đó: - Tôm…	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	5.225	22.500	1.588	5.554	106,31	24,69
2.2.2	**Khai thác nội địa**	Tấn	**2.872**	**6.850**	**949**	**2.770**	**96,46**	**40,44**
	Trong đó: - Cá các loại	"	877	1.800	60	765	87,25	42,50
	- Tôm các loại	"	190	550	53	155	81,58	28,18
	- Thủy sản khác	"	1.805	4.500	836	1.850	102,49	41,11
	** Tình hình thiệt hại tôm sú*							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14.296		2.131	13.994	97,89	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	813		214	658	80,93	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	15.627		2.202	16.137	103,26	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	291		115	317	108,72	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	965		131	850	88,14	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	71		14	49	68,64	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	7		11	6	77,87	
	** Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng*							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	11.316		1.706	9.553	84,42	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.361		373	1.162	85,38	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	5.049		817	3.849	76,22	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	516		128	389	75,24	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3.535		799	3.217	90,99	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	337		75	263	78,07	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10		9	8	85,80	